

Tà Áo Bay Bên Trời Quê Đất Khách

Hoàng Huy Giang

Nơi tôi sống trời đang vào tháng tư. Tháng của những ngày thu vương vấn nhuộm chút băng quơ để cho những con đường chong chanh trong bộ áo vàng hoe của lá chẳng mấy chốc chuyển sang một màu đỏ tía, thẫm lịm lối đi. Màu đỏ của lá chợt hừng lên dưới trời chiều hanh hanh chút nắng, vội vàng ẩn mình khi hoàng hôn xuống vội. Và cơn gió sang mùa không ngần ngại cuốn nhanh những chiếc lá vàng đỏ xào xạc cuống quít bước chân.

Tôi thả bộ dọc theo con đường ra bãi đậu xe. Tiếng gió rì rào ve vãn bên tai như niềm vui đang hiện hữu nơi tôi. Tôi đưa một bàn tay lùa nhẹ mái tóc còn bàn tay kia níu vội tà áo chực tung bay theo gió về một khoảng không vô định. Áo dài và tôi. Áo dài và gió. Sự dang co giữa tôi và gió tạo thành một niềm vui bung bít trong lòng.



ảnh Nguyễn Cao Đàm

Xa quê hương người ta thường nhớ đủ thứ. Nhớ những người thân yêu. Nhớ nhà cửa, nhớ con đường xưa đã bao lần đi qua, nhớ bạn bè của thời đánh đình, đánh đảo. Và trong tôi cũng vậy. Một khi cơn nhớ cuộn lên như sóng lớp thủy triều thì ôi thôi bao nhiêu là nỗi nhớ ồ ạt trở về. Từ những ngày ấu thơ đến những ngày mới lớn. Từ những hàng phượng đầu mùa đầy ắp nụ non đến những con đường hiu hắt ánh đèn đêm. Biết bao hình ảnh lần lượt lướt qua ký ức. Thật vậy! Bất cứ cái gì của Sài Gòn, của những ngày xa xưa tôi đều nhớ cả. Càng nhớ bao nhiêu, tôi lại càng yêu Sài Gòn bấy nhiêu. Mà yêu Sài Gòn bao nhiêu thì tôi lại càng trân quý chiếc áo dài bấy nhiêu. Thế là tôi trở về tìm kiếm trong tôi hình ảnh cố hữu của chiếc áo mà xa quê hương rồi tôi mới thấy quý nó thật sự.

Mỗi quốc gia trên thế giới, kể cả những bộ lạc ở những nơi thâm sơn cùng cốc đều có sắc phục riêng của họ. Đối với phụ nữ Việt Nam, chiếc áo dài là một trang phục và cũng là một sắc phục thật độc đáo vì nó mang đủ các tính chất: kín đáo, sang

trọng, trữ tình, lãng mạn, thanh nhã, thướt tha, dịu dàng mà chị em phụ nữ Việt hẳn phải hãnh diện mỗi khi mặc. Chiếc áo dài mà ngày nay mỗi lần được dịp mặc là mỗi lần tôi thấy cả một khoảng trời xanh của thời con gái, của lứa tuổi đôi mươi, của quãng đời xuân sắc được dịp sống lại trong tôi.

Tôi nhớ lúc còn nhỏ, lúc ấy chắc tôi chỉ chừng sáu hoặc bảy tuổi, mỗi lần thấy người chị họ của tôi ghé chơi sau buổi chiều tan học, tha thướt dáng nét yêu kiều trên chiếc xe Velo Solex là tôi cũng lục đục bày trò chơi mặc áo dài và lái xe sắt. Tôi lấy hai chiếc ghế lùn, bằng sắt, cao khoảng ba tấc, đặt nối đuôi nhau và gác một chiếc ghế con bằng gỗ mà mẹ tôi vẫn ngồi nhặt rau, vào giữa hai chiếc ghế sắt làm yên xe. Rồi tôi lấy hai chiếc khăn tắm, một quàng vào trước ngực và một quàng vào sau lưng để làm áo dài.

Thế là tôi có được chiếc áo dài làm bằng khăn lông với hai tà áo lét phết dưới đất. Tuy hơi dài quá khổ nhưng tôi cũng có được chiếc áo dài như ai. Sau vườn nhà tôi có một cây chuối ngọc, quanh năm lá luôn xanh và hoa nhỏ màu tím thắm từng chùm bốn mùa nở rộ. Mùi hoa thơm thoang thoang như mùi bánh khảo luôn mời gọi những chú ong bướm say tình bay lượn. Về phía con gái, tôi là nhỏ nhất nhà nên ba tôi thương tôi lắm. Cứ mỗi lần chơi mặc áo dài là ba tôi lại hái một cụm hoa chuối ngọc cài lên tóc tôi. Thế là tôi được mặc áo dài, được cài hoa trên tóc và lái xe yếu điệu giống người chị họ tôi. Có phải tôi và chiếc áo dài có duyên có nợ nên chiếc áo dài luôn quần quít bên tôi? Và có phải tôi và màu tím hoa chuối ngọc có nợ có duyên? Nên nên tím thắm luôn sống mãi nơi tôi trên tà áo dài qua bao tháng năm trôi giạt dòng đời. Lúc còn sống ở quê nhà không bao giờ tôi quan tâm đến giá trị cũng như chẳng bao giờ tôi tìm hiểu về cội nguồn của chiếc áo. Giờ đây nhớ trời quê khi sống trên đất khách, tôi mới nhận được chân giá trị của chiếc áo và cảm thấy thật hãnh diện mỗi khi mặc, dù ngày xưa nơi quê nhà tôi đã từng mặc nó hàng bao nhiêu năm trời.



Nơi tôi định cư không có phép nghỉ lễ Tết Nguyên Đán hằng năm như ở quê nhà. Và những ngày Tết đến thường xảy ra trong tuần nên năm nào cũng vậy, nếu đi làm trong ngày mùng Một Tết tôi đều mặc áo dài. Đây là dịp mà những người bạn đồng nghiệp của tôi được dịp ngắm nghía và trầm trồ chiếc áo dài tôi đang mặc. Nhớ một lần tôi phải đi tham dự một buổi họp lớn tổ chức tại hội trường của một khách sạn lớn nằm ven bờ biển Glenelg tại Adelaide, thành phố nơi tôi đang sống. Buổi sáng hôm ấy, thấy trời đẹp thế là tôi nảy ý mặc áo dài. Tôi chọn chiếc áo màu tím thẫm.

Khi đến nơi tôi định đậu trong nhà đậu xe của khách sạn. Nhưng nhìn thấy trời đẹp, nắng nhẹ nên tôi đậu xe bên đường để được dịp đi bộ. Vâng! Hôm ấy trời ban mai nắng dịu. Cái nắng của một ngày cuối hạ. Nắng thoi thóp không gay gắt như những tháng về trước lại có một chút gì hanh hanh của những ngày chớm thu. Từng sợi nắng đổ ngập lối đi, đổ dài trên tôi, tóc và áo. Gió ban mai gợn mùi nước biển thoảng nhẹ thổi về đây đưa hai tà áo nhẹ bay bay, để lộ chiếc quần sa tanh lụa trắng muốt.

Tôi thanh thản bước đi trong nắng. Còn nắng quần quít bên tôi theo từng bước chân ngập ngừng trên con đường đá dăm rêu rạo. Và đằng sau cặp kính râm, tôi chùng chùng thấy được những đôi mắt tò mò, những gương mặt nhìn theo, những nụ cười cảm nhận. Khi tôi sắp đến nơi, một người đàn bà 'tóc vàng' đi ngược chiều dừng lại hỏi tôi với một cung cách nhã nhặn, lịch sự, bằng tiếng Anh,:

- Cô đi đám cưới phải không? . . . Chiếc áo cô đang mặc đẹp quá. Rất lịch sự và rất đẹp.

Rồi bà đưa tay vuốt lớp vải mềm mịn trên cánh tay tôi. Tôi mỉm cười nhìn xuống chiếc áo tôi đang mặc. Chiếc áo dài màu tím than, đơn giản không trang hoàng sặc sỡ. Tôi lắc đầu trả lời:

- Tôi đi tham dự buổi khánh thành đôi tên của cơ quan Uniting Care.

Bà lập lại:

- Cái áo đẹp quá. Rất là lịch sự.

Rồi bà hỏi tiếp:

- Cô đến từ nước nào ?

Sau khi nghe tôi trả lời, người đàn bà lạ bên đường còn nấn ná hỏi thêm về văn hóa Việt, điều mà tôi rất hãnh diện để nói, để ca tụng mỗi khi có ai hỏi đến. Thấy không còn đủ thì giờ để lan man câu chuyện tôi chỉ nói sơ và xin lỗi khiêu từ bà khách lạ rồi vội vã bước đi. Khi đến cổng khách sạn tôi quay đầu nhìn lại. Người đàn bà 'tóc vàng' lạ mặt vẫn còn trông theo.

Tôi cảm động và thấy vui trong lòng làm sao. Khi bước vào hội trường, rất nhiều cặp mắt hướng về phía tôi. Tôi đoán là họ đang ngưỡng mộ chiếc áo tôi đang mặc, chiếc áo mang tính chất truyền thống của dân tộc Việt. Điều đó làm tôi cảm thấy thật hãnh diện và thích thú. Thật vậy, chiếc áo với phần trên ôm sát tấm thân thon thả của phụ nữ để hai tà bay lừng lờ cuốn quít theo làn gió trông thật thơ mộng, thật trữ tình đã là nguồn cảm hứng cho biết bao tâm hồn nghệ sĩ, phong phú hóa kho

tàng thơ, văn, nhạc, họa, nhiếp ảnh trong nền văn học nghệ thuật Việt Nam như cố thi sĩ Nguyễn Sa đã ngất ngây gửi hồn trong hai tà áo người tình:

Có phải em mang trên áo bay
hai phần gió thổi một phần mây
hay là em gói mây trong áo
rồi thở cho làn áo trắng bay ?

Nguyễn Sa
(‘Tương Tư’)

Còn Nguyễn Tất Nhiên đã hãnh diện đề cao nét trang nhã, đài các của tà áo dài Việt Nam đáng là đại diện cho sắc phục phương đông.

Tháng giêng em áo dài trang nhã
Tinh lý còn nguyên nét Việt Nam
Đài các chân gà ai bước khế
Quyện theo tà lụa cả phương đông

Nguyễn Tất Nhiên
(‘Tháng Giêng, Chim’)

Khoảng trời xanh với những mộng mơ lãng mạn kín sách vở học trò cùng tà áo dài trắng trinh nguyên đã được biết bao tâm hồn thi nhân chở chuyên tâm sự như nhà thơ Luân Hoán đã một thời vương mắc suy tư, để rồi dù dòng đời trôi chảy ông vẫn không quên những gì đã xảy ra nơi sân trường mắt biếc:

em có nhớ trong sân trường bữa ấy
giờ ra chơi em phơi nắng chiều đông
gió bắc khô làm đôi má se hồng
cùng chúng bạn em ngồi quanh gốc phượng
tà áo trắng xoè như đôi cánh lượn
trải dịu dàng trên cỏ mượt mà xanh

Luân Hoán
(‘Trong Sân Trường Bữa Ấy’)

Và Bảo Cường cũng cùng một hoài niệm như Luân Hoán đã chắt chiu trong lòng bao kỷ niệm xa xưa của thời áo trắng:

Ngày xưa áo lụa tung bay
Tóc em theo gió vờn mây cuối trời
Trường Tiên áo trắng tinh khôi
Em nghiêng nón... giấu nụ cười làm duyên

Bảo Cường
(‘Áo trắng ngày xưa’)

Trong khi Thanh Trắc Nguyễn Văn đã nhẹ nhàng trách hồn người yêu bé nhỏ của quãng đời học trò đã vội quên tháng ngày xưa cũ, quên con đường dẫn lối đến trường, tìm vui nơi bờ bến lạ.

Con đường xưa đi học
Hai đứa giờ hai nơi
Em theo người xú la.
Anh lưu lạc phương trời.



ảnh Vy Văn Đô

Em quên thời áo trắng
Rơi nỗi buồn đâu đây
Con đường anh trở lại
Thăm thẳm một màu mây.
Thanh Trắc Nguyễn Văn
(‘Con đường xưa đi học’)

Thường khi nói đến tà áo trắng rất nhiều người nghĩ đến mái trường thân yêu, đến phấn bảng học trò, đến tiếng ve gọi hè sang, đến hàng phượng vĩ với những bông hoa trĩu nặng thắm đỏ sân trường. Và màu đồng phục cho nhiều trường trung học nữ ở Việt Nam thường là màu trắng. Nhưng cũng có một số ít trường chọn màu xanh. Và màu tím cũng được chiếu cố. Điển hình là trường Gia Long đã một thời mang tên là 'Trường Nữ Sinh Áo Tím' từ ngày thành lập vào năm 1915 cho đến 1952. Đến năm 1953, đồng phục áo dài tím được thay thế bằng chiếc áo trắng với phù hiệu của trường - đóa mai vàng - khâu lên trên áo.

Dù những tà áo dài trắng được ca ngợi nhiều trong thi văn thật sâu đậm nhưng điều này đã không làm xóa mờ nét đáng thanh dịu của tà áo dài xanh biêng biếc mà bao thi nhân, nhạc sĩ cũng đã hoà tiếng lòng của mình trong từng cõi thi tứ diệu vợi như nhà thơ Mường Mán đã thổ lộ tâm tình khi nhớ về những ngày xưa cũ.

Mùa cốm xa rồi hương còn đây
Sâm cầm về đâu cánh nghiêng trời
Biếc xanh tà áo em qua ngõ
Gói cả sông hồ thương nhớ ai.
Mường Mán
(‘Với Xuân Hà Nội’)

Thử vòng quanh thế giới âm nhạc, qua những nhạc phẩm Áo Lụa Hà Đông (Ngô Thụy Miên), Ngàn Thu Áo Tím (Hoàng Trọng), Tà Áo Cưới (Hoàng Thi Thơ), Tà Áo Tím (Hoàng Nguyên), Tà Áo Trắng (Trần Ngọc Lê), Tà Áo Đêm Noel (Tuấn Lê), Tà Áo Em Bay (Nguyễn Dũng) v.v. chúng ta hẳn sẽ thấy một số nhạc sĩ đã chuyên chở lòng mình qua hình ảnh tà áo dài trong dòng nhạc của họ. Đặc biệt nhạc sĩ Đoàn Chuẩn đã đưa hình ảnh 'tà áo xanh' vào cung phím rất nhiều. Đối với nhạc sĩ, màu xanh biểu tượng cho những ước mơ, cho những đợi chờ, cho từng gọi nhớ chập chới trong từng tiết điệu âm giai.

Anh mong chờ mùa Thu
Tà áo xanh nào về với giấc mơ
Màu áo xanh là màu Anh trót yêu
Người mơ không đến bao giờ
Đoàn Chuẩn- Từ Linh
(‘Thu Quyển Rũ’)
Với bao tà áo xanh, đây mùa thu,
Hoa lá tàn, hàng cây đứng hững hờ,
Lá vàng, từng cánh, rơi từng cánh,
Rơi xuống âm thầm trên đất xưa..

Đoàn Chuẩn-Từ Linh
('Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay')

Em còn nhớ, anh nói rằng:
Khi nào em đến với anh,
Xin đừng quên chiếc áo xanh ...

Đoàn Chuẩn- Từ Linh
('Tà Áo Xanh')

Thật vậy, kể từ khi trôi giạt xứ người tôi mới thấy trân quý và lưu tâm đến giá trị của chiếc áo dài Việt Nam. Chiếc áo tiềm ẩn sắc thái quê hương mà những ngày còn lê lét ở mái trường Trung học tôi nào để ý đến. Ngày ấy, đã rất nhiều lần vì ham nhảy dây tôi đã cột vợt trước, vợt sau thành nắm tay để không bị vướng mắc lúc chơi nên bị cha Tổng Giám Thị quở phạt khi thấy tà áo của tôi nhăn nhúm trông thật thảm thương lúc đứng chào cờ. Đi tìm cội nguồn của chiếc áo dài Việt Nam thật khó mà khẳng định được là chiếc áo dài thân thương của chúng ta có từ bao giờ. Nhưng dựa vào sự mô tả của chiếc áo dài đầu tiên với dáng hình tương tự như chúng ta thấy ngày nay, có người cho rằng áo dài có từ thập niên 30 của thế kỷ thứ XX do họa sĩ Cát Tường tạo kiểu.



Theo tài liệu thì trong quyển "Relation de la Nouvelle Mission des Pères de la Compagnie de Jesus au Royaume de la Cochinchine", xuất bản tại Lille năm 1631, giáo sĩ Cristoforo Borri đã mô tả cách trang phục của người Việt vào đầu thế kỷ thứ XVII qua chiếc áo dài rằng, mặc dù sống trong vùng nhiệt đới những người Việt ăn mặc rất kín đáo. Họ mặc năm, sáu cái áo dài, áo nọ phủ lên áo kia, mỗi cái một màu. Cái thứ nhất dài đến mắt cá chân, còn những cái khác từng lớp và từng lớp khoác ở ngoài, ngắn dần và ngắn dần. Đó chính là chiếc áo mớ ba, mớ bảy của phụ nữ Việt còn thấy ở các làng quê Việt Nam như ở Quan Họ / Bắc Ninh. Đàn ông cũng mặc năm, sáu lớp áo dài lụa. Phần dưới thắt lưng của mấy lớp áo ngoài được cắt thành những dải dài gọi là các dải cánh sen. Lúc đi lại, các dải áo quyện vào nhau khi gió thổi bay tung lên trông thật đẹp mắt.

Ngún ngồn như anh thuyền chài

Áo ngắn mặc ngoài áo dài mặc trong. (*)

Có giả thuyết cho rằng áo dài Việt Nam xuất phát từ phương Bắc khi chúa Nguyễn Phúc Khoát ở Đàng Trong xưng là Vũ Vương vào năm 1744 đã bắt quan, dân phải mặc lễ phục lấy mẫu từ "Tam Tài Đồ Hội" của nhà Minh, Trung Hoa. Tuy nhiên, áo dài không phải là lễ phục mà chỉ là một loại thường phục trang trọng có thể mặc để tiếp khách hay đi chơi.

Áo dài chớ tưởng là sang

Bởi không áo ngắn phải mang áo dài (*)

Trong quyển "Chín Chúa - Mười Ba Vua Triều Nguyễn" xuất bản năm 1997 ông Tôn Thất Bình cũng viết là chiếc áo dài được hình thành từ đời chúa Nguyễn Phúc Khoát. Nguyên chúa Nguyễn Phúc Khoát nghe người Nghệ-An truyền câu sấm:

"Bát đại thời hoàn trung nguyên" (tám đời trở về trung nguyên), thấy từ Đuan Quốc Công đến nay vừa đúng tám đời bèn xưng hiệu lấy thể chế áo mũ trong Tam Tài Đồ Hội làm kiểu mà tạo ra chiếc áo dài. Thế là do tinh thần độc lập, muốn dân chúng trong địa phận mình cai trị mang y phục riêng để phân biệt với miền Bắc. Sách Đại Nam Thực Lục Tiền Biên cũng có chép sự kiện chúa Vũ Vương ở phương Nam bắt dân gian cải cách y phục vào khoảng năm 1744.

Giả thuyết vừa nêu trên trái ngược với một bằng chứng cho thấy là

chiếc áo dài đã có trước khi chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng Vương. Đó là bức tượng Ngọc Nữ tạc từ thế kỷ XVII ở chùa Dâu, Thuận Thành, Bắc Ninh. Qua bức tượng này chúng ta có thể thấy là chiếc áo dài phụ nữ mặc thời đó cùng với các dải cánh sen, giống mấy lớp áo bên ngoài bị cắt thành các dải dài bên dưới thắt lưng như giáo sĩ Borri đã mô tả. Tuy nhiên, nếu dựa theo truyền thuyết thì tiền thân của chiếc áo dài ngày nay đã có từ thời Hai Bà Trưng. Năm 39 sau Công nguyên, Hai Bà khởi quân đánh đuổi quan Thái thú Tô Định và quân nhà Hán. Khi cưỡi voi lâm trận Hai Bà Trưng đã mặc áo dài hai tà giáp vàng, che lọng vàng và trang sức thật lộng lẫy.



Chiếc áo dài đã trải qua nhiều gian truân theo cùng mệnh nước. Vắn nạn thứ nhất là bao nhiêu mưu toan đồng hóa dân ta của bọn ngoại xâm phương Bắc qua một nghìn năm bị Trung Hoa cai trị. Thứ đến là ảnh hưởng của thực dân Pháp trong ngót một thế kỷ bị đô hộ.

Và gần đây nhất, chiếc áo dài thân thương của chúng ta đã chịu sự đập vùi cùng chung với thân phận con người theo hoàn cảnh chính trị và xã hội trên phần đất quê hương Việt Nam. Vì áo dài không thích hợp với công việc lao động cho nên sau năm 1954, chiếc áo dài đã biến mất trên nửa phần đất tổ quốc nơi miền Bắc trong khi tại miền Nam Việt Nam hai tà áo dài vẫn tiếp tục tung bay nơi công sở, trong học đường hay ngoài đường phố. Khi cuộc chiến chấm dứt trên quê hương vào cuối tháng Tư năm 1975 thì chiếc áo dài cũng cùng chung phận số với người dân miền Nam và chỉ được phục hồi từ dạo cuối thập niên 80 sau khi đất nước được cởi mở dần.

Mặc dù đã nổi trôi theo dòng lịch sử nhưng chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam ta không những vẫn trường tồn mà còn được hoàn mỹ thêm ra. Điều đó chứng tỏ là tinh thần bất khuất của dân tộc Việt đã được thể hiện qua chiếc áo dài.

Nói đến trang phục phụ nữ đặc thù của những quốc gia Á châu, chúng ta có thể kể đến chiếc Kimono của người Nhật hoặc chiếc áo Sường Xám của người Trung Hoa. Về thẩm mỹ, chiếc Kimono quá kín đáo, quá gò bó thân hình người phụ nữ, còn chiếc áo Sường Xám mặc dù có phần kêu gọi nhưng thiếu phần thanh tao, dịu dàng của phụ nữ. Trong khi đó, chiếc áo dài của ta vừa kín đáo, vừa gợi cảm lại vừa thướt tha, vừa uyển chuyển. Thân áo bó sát lấy thân hình, tôn vinh những đường cong mềm mại của vóc dáng người phụ nữ Việt Nam. Thêm vào đó, thân áo xẻ hơi cao, để lộ một chút thân mình phía trên cặp quần. Hai tà áo dài xuống ngang nửa ống chân, quần quít từng bước đi theo làn gió thoảng. Nói chung, áo dài của ta

vượt trội hơn những trang phục Á châu khác, bằng chứng là tại hội chợ quốc tế Osaka, năm 1970 tại Nhật Bản, chiếc áo dài phụ nữ Việt Nam với các vạt áo bay lượn trong gió đã được quan khách quốc tế trầm trồ khen ngợi và đem lại vinh dự cho phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa và chiếc áo dài của Trương Quỳnh Mai được chọn là trang phục dân tộc đẹp nhất tại Tokyo vào năm 1995.

Có phải em mang trên áo bay
hai phần gió thổi một phần mây
hay là em gói mây trong áo
rồi thả cho làn áo trắng bay ?

Nguyễn Sa
('Trương Tư')

Về hình dạng, chiếc áo dài đã thay đổi rất nhiều qua bao thế kỷ để có được dáng nét mỹ miều như ngày nay. Sau đây ta thử nhìn qua những dạng chính theo thứ tự thời gian.

Trước hết, ngoài trừ truyền thuyết về Hai Bà Trưng mặc áo hai tà, theo một số nhà nghiên cứu chiếc áo dài đầu tiên là áo Giao Lĩnh. Áo gồm bốn thân, mặc phủ ngoài yếm lót; nhưng khi mặc, hai thân trước



để giao nhau chứ không buộc lại, với thêm một thắt lưng mẫu buông thả. Vì chiếc áo này tương tự áo tứ thân về dáng hình cho nên có người cho rằng hai loại áo này là một. Vậy ta hãy xét kỹ về chiếc áo tứ thân xem sao, vì đây là chiếc áo đã tồn tại cả mấy nghìn năm, mặc cho bao thăng trầm của lịch sử.

Ngày xưa, vì kỹ thuật còn thô sơ nên vải được dệt thành khổ hẹp. Muốn may thành một cái áo, phải ráp bốn mảnh lại với nhau. Do đó mới có cái tên 'áo tứ thân'. Áo gồm hai mảnh đằng sau khâu lại giữa sống lưng làm thành sống áo, với mép nối của hai thân áo được dẫu

vào phía trong. Hai thân trước được buộc lại với nhau và để thông xuống thành hai tà áo ở giữa, nên không cần cài khuy khi mặc. Bình thường, gấu áo được vén lên, chỉ khi có đại tang, như tang chồng hay tang cha mẹ, mới thả xuống và mép vải để lộ ra ngoài thay vì dẫu vào trong. Áo tứ thân thường được mặc với áo yếm, với một dải vải thắt ngang lưng, đầu vấn khăn và đội nón quai thao.

Tùy theo mục đích, chiếc áo tứ thân mang màu sắc khác nhau. Ngoài đồng ruộng hay trong những phiên chợ, chiếc áo tứ thân có màu nâu non, nâu già hoặc đen, mặc với váy vải thô nhuộm bùn. Nhưng trong những dịp hội hè đình đám, cưới hỏi, áo được may bằng hàng the, nhiễu, thao, lụa, khoác bên ngoài chiếc yếm đỏ thắm hay hồng đào và phủ lên chiếc váy lĩnh hoa chanh hoặc váy sồi có thắt lưng màu lá mạ hay màu cánh chả bay lượn trong gió. Còn về yếm, ngoài những màu vừa kể còn có màu nâu để mặc đi làm thường ngày ở nông thôn và yếm trắng mặc thường ngày ở thành thị.

Về ý nghĩa, ta có thể tìm thấy trong các bài tham khảo những lời giải thích là bốn thân của chiếc áo tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu của hai vợ chồng, và buộc hai tà

trước lại với nhau tượng trưng cho tình nghĩa vợ chồng âu yếm, quấn quít bên nhau.

Đêm hè gió mát trăng thanh

Em ngồi canh củi còn anh vá chài

Nhất thương là cái hoa lái

Nhì thương ai đó áo dài tấm thân

Gặp người sao có một lần

Đề em thương nhớ tần ngần suốt năm (*)

Áo tứ thân vẫn còn tồn tại ở một số địa phương, nhất là ở thôn quê, cho đến ngày hôm nay.

Đến đời vua Gia Long, vào đầu thế kỷ XIX, kiểu áo ngũ thân bắt đầu phổ biến trong giới phụ nữ quyền quý. Kiểu này giống như áo tứ thân, nhưng kín thân vì hai vạt trước được may liền thành một vạt lớn dọc theo sống áo như vạt sau; cộng thêm một vạt con nằm dưới vạt trước về phía bên phải. Vạt con nối với hai vạt trước nhờ cổ áo có bầu đệm, và cài kín lại bằng năm chiếc khuy. Tay áo may nối phía dưới khuỷu tay cũng vì cùng một lý do như thân áo, đó là vì ngày xưa các loại vải tốt như gấm, lụa chỉ dệt được rộng nhất là 40 cm. Cổ, tay và thân trên áo thường ôm sát người, trong khi tà áo may rộng ra từ sườn đến gấu và không chiết eo. Gấu áo may võng, vạt rất rộng, trung bình là 80 cm ở gấu, cổ áo chỉ cao khoảng 2-3 cm.

Về ý nghĩa thì ngoài ý nghĩa của bốn thân áo chính như đã nêu trong phần áo tứ thân, thân thứ năm hay vạt con tượng trưng cho người mặc áo. Năm chiếc khuy áo tượng trưng cho Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín, năm đạo làm người theo Khổng Giáo.

Áo dài năm nút hở bầu

Đề coi người nghĩa làm dâu thế nào (*)

Từ chiếc áo ngũ thân, chiếc áo dài biến dạng với vạt con được thu

gọn lại để trở thành chiếc áo dài mà chúng ta thấy ngày nay. Và dĩ nhiên, hai thân trước và sau không còn phải nối sống nữa. Tuy nhiên, nhiều phần của chiếc áo dài đã thay hình đổi dạng trong thế kỷ XX. Cho đến đầu thế kỷ XX, phần đông áo dài phụ nữ thành thị đều may theo kiểu ngũ thân.

Khi thực dân Pháp bắt đầu đô hộ nước ta vào cuối thế kỷ XIX, văn hóa Tây Phương cũng bắt đầu du nhập vào Việt Nam, đưa đến việc thay chữ Nho bằng chữ Quốc Ngữ và những đua đòi theo văn hóa Tây Phương mà điển hình là ở Hà Nội. Vì là một phần của văn hóa Việt Nam cho nên chiếc áo dài truyền thống cũng là đề tài của sự đổi mới. Các màu thông dụng như nâu, đen được thay bằng các sắc màu tươi sáng hơn, gây sôi nổi trong dư luận quần chúng thời ấy.

Đến khoảng thập niên 1930, chiếc áo dài có một số thay đổi, mà nổi tiếng nhất phải kể đến kiểu áo Lemur của họa sĩ Nguyễn Cát Tường, một thành viên của Tự Lực Văn Đoàn. (Chữ Lemur viết trại theo danh từ Pháp 'le mur' có nghĩa là 'cái tường', tương tự như tên 'Cát Tường'). Nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã dùng hai tờ báo Ngày Nay và Phong-Hóa để truyền bá tư tưởng cải cách văn hóa, xã hội của nhóm. Cũng



trong tờ Phong-Hóa họa sĩ Cát Tường đã cổ võ cho sự thay đổi về quan niệm trong cách ăn mặc: "Các nhà đạo đức thường nói: Quần áo chỉ là những vật dụng để che thân thể ta khỏi gió mưa, nắng lạnh, ta chẳng nên để ý đến cái đẹp, cái sang của nó làm gì. Theo ý tôi, quần áo tuy dùng để che thân thể, song nó có thể là tấm gương phản chiếu ra ngoài cái trình độ trí thức của một nước. Muốn biết nước nào có tiên bộ, có mỹ thuật hay không, cứ xem y phục của người nước họ, ta cũng đủ hiểu". Kiểu áo Lemur cho thấy ảnh hưởng của Âu châu, mặc dù áo vẫn giữ nguyên phần áo dài với cổ cao, không có eo. Những thay đổi gồm cổ áo khoét hình trái tim, cổ bẻ và một cái nơ ở trước cổ; vai bông; tay nối ở vai, tay măng-sét; gấu áo cắt kiểu sóng lượn nối vải khác màu hay đính ren diêm dúa; khuy áo may dọc trên vai và sườn bên phải. Vì những đặc tính táo bạo như vậy cho nên có giới nghệ sĩ hay giới ăn chơi thời đó mới dám mặc. Và cũng vì lý do đó chiếc áo Lemur đã sớm đi vào quần lãng vào khoảng năm 1934. Một điểm khác biệt nữa so với áo dài thời trước đó là vạt áo không còn phải nối sống nữa vì hàng vải nhập cảng có khổ rộng hơn hàng nội hóa thời đó.

Khi kiểu Lemur lan đến thủ đô Huế, một số các cô tân thời đã chạy theo kiểu này, làm đề tài cho bài về sau đây:

Vè vè vè vè

Nghe vè 'mốt' áo

Bận áo lơ-muya

Đi giày cao gót

Xách bóp-tờ-phơi

Che dù cánh dơi

Đi chơi Cự Ngáo

Ăn cháo không tiền

Cởi liền lơ-muya!

Đi đôi với chiếc áo dài mới là một vài cải cách khác, đó là nhiều phụ nữ tân thời không còn nhuộm răng đen nữa, tóc vấn trần hoặc búi lỏng và rẽ ngôi lệch. Đây là cơ hội để nhà thơ Tú Mỡ ở Hà Nội nhại bài Mười Thương để châm biếm:

Một thương tóc lệch đường ngôi

Hai thương quần trắng, áo mùi, khăn 'san'

Ba thương hôm sớm điêm trang

Bốn thương răng mọc hai hàng trắng phau

Năm thương lược Huế cài đầu

Sáu thương ô lụa ngả màu thanh thiên

Bảy thương lăm bạc nhiều tiền

Tám thương động tí 'nữ quyền' giở ra

Chín thương cô vẫn ở nhà

Mười thương... thôi để mình ta thương mình!

Một cải cách táo bạo khác cần được lưu ý đó là kiểu áo dài nhân eo, khiến chiếc áo ôm sát theo các đường cong tuyệt mỹ của phái nữ, do bà Trịnh Thục Oanh, một hiệu-trưởng của trường nữ Trung-học Hà-Nội, sáng tạo.



Gia đình ông quan
Một tác phẩm của Victor Tardieu,
hiệu trưởng đầu tiên của Trường
Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương,
sơn dầu

Vào năm 1934, sau khi áo Lemur đến rồi đi, họa sĩ Lê Phổ đã cải tiến kiểu Lemur bằng cách dung hòa với kiểu áo ngũ thân cũ, bỏ đi những nét Tây phương như không tay phồng, cổ hở, không viền tròn vạt dài v.v. nhưng ôm sát thân người để hai tà áo mềm mại tự do bay lượn. Đây là kiểu áo rất gần với chiếc áo dài tân thời ngày nay. Những thay đổi từ chiếc áo dài Lê Phổ cho đến ngày nay được tóm tắt như sau:

- Cuối thập niên 1950, bà Trần Lê. Xuân, vợ ông Ngô Đình Nhu, xuất hiện trước công chúng trong kiểu áo dài cổ khoét kiểu thuyền và tay ngắn. Kiểu áo không được ưa chuộng mấy và rồi biến mất

cùng với nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

- Khoảng thập niên 1960, nhà may Dung Dakao ở Sài Gòn tung ra kiểu áo dài tay Raglan, ráp tay xéo vai do đó bớt được những đường nhăn hai bên nách và đùn vải nơi vai. Đây là một cải tiến quan trọng và được ưa chuộng cho đến ngày nay. Đi với kiểu tay Raglan là nhiều kiểu biến chế lạ mắt như thân áo may bằng hàng dày, nhưng phía ngực và tay lại bằng hàng mỏng; hoặc thân áo và hai tay là hai màu tương phản.

- Đầu thập niên 70 -75 là thời kỳ của áo dài mini-Raglan. Đó là áo dài raglan may với tà áo cao và gọn. Kiểu này rất được giới trẻ, nhất là các nữ sinh Sài Gòn ưa chuộng mãi cho đến ngày miền Nam thất thủ. Đối lại với kiểu mini-Raglan là kiểu maxi-Raglan tha thướt, dịu dàng, rất hợp với các bà.

Ngoài ra, một số nhà may tại Sài Gòn còn tung ra thị trường kiểu áo dài ba tà gồm một vạt sau và hai vạt trước, với nút gài từ cổ xuống eo. Áo ba tà được mặc với quần ống voi, và không được ưa chuộng cho lắm vì không thích hợp với bản chất nhẹ nhàng của phụ nữ Việt Nam.

Thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy chiếc áo dài có những canh tân quá đáng như hở ngực, hở cổ hoặc chỉ có một tay v.v. như các kiểu áo Tây phương. Những 'phát minh' loại này đã và sẽ bị đào thải nhanh chóng.

Mong rằng những cải tiến, nếu có, sẽ nhắm vào việc duy trì phẩm chất thuần túy của chiếc áo dài quốc hồn quốc túy, vương mang linh hồn dân tộc Việt, cũng như làm tăng thêm giá trị mỹ thuật độc đáo, để cho chiếc áo dài thân thương của chúng ta mãi mãi không bao giờ bị lấn át bởi các trào lưu thời trang Tây phương, và sẽ giữ vững ngôi vị độc tôn với dáng nét kiêu sa không những ở quê nhà mà còn ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Nói tóm lại, trải qua mấy nghìn năm biến đâu chiếc áo dài Việt Nam đã được biến cải từ chiếc áo Giao Lĩnh mộc mạc thành chiếc áo dài trang nhã, đài các, không những đã chiếm một địa vị quan

trọng trong lịch sử lẫn trong văn hóa Việt; một thứ di sản văn hóa mang đủ tính chất nghệ thuật vừa thướt tha, vừa dịu dàng, vừa sang trọng, vừa lãng mạn, tôn vinh nét đẹp của phụ nữ Việt, không còn chỉ loanh quanh ẩn núp bên các đường phố Việt Nam, mà còn tự hào vươn mình tung bay trên nhiều phố phường dưới bầu trời

thế giới hôm nay. Đó là nhờ công lao gìn giữ của cả dân tộc cũng như công sáng tạo của bao nhà họa kiều.

Hoàng hôn đang xuống chậm. Lãng đãng các sắc màu tím hồng hỗn hợp thấm đẫm chân trời. Thấp thoáng dưới bóng chiều bàng lãng, những tà áo dài nhẹ bay trong chiều nắng thu phai.

Hoàng Huy Giang

Tài liệu tham khảo:

"Việt Nam Phong Tục", Phan Kế Bính, Phong Trào Văn Hóa.

"Việt Nam Sử Lược", Trần Trọng Kim, Đại Nam.

"Phong Tục Việt Nam", Toan Ánh, Xuân Thu.

"Đất Lề Quê Thói", Nhất Thanh, Sống Mới.

"Những Hình Ảnh Xưa", Nguyễn Khắc Ngữ, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa.

"Relation de la Nouvelle Mission des Pères de la Compagnie de Jesus au Royaume de la Cochinchine", Cristoforo Borri, 1631, Lille

"Phong-Hóa", số 86, 1934.

"Chín Chúa - Mười Ba Vua Triều Nguyễn", Tôn Thất Bình, 1997, Nhà Xuất Bản Đà-Nẵng.

"Chiếc Áo Dài Việt-Nam và Đạo Làm Người", Nguyễn Huỳnh.

() Ca dao Việt Nam*